

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 139

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh mì – lagu sườn heo (khoai môn, khoai tây, hành tây, sả cây, nước dừa tươi, hạt cà ri, ngò gai, hành lá)
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt bò xào ngũ sắc (ớt chuông đỏ, ớt chuông vàng, cần tây, bông cải xanh, hành baro)
- Canh rau ngót, đậu hũ trắng, nấm rom nấu thịt gà, hành lá
- Bông cải trắng hấp
Xế: Quýt đường
Xế chiều: Cháo lươn, đậu xanh, mướp hương, mồng tơi, nấm bào ngư

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,650	3,140	51,810
2	0494	Đường cát	1,300	3,880	50,440
3	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
4	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
5	0004	Gạo tẻ máy	9,800	2,560	250,880
6	0120	Hành lá (hành hoa)	350	8,400	29,400
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
8	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
9	0185	Tỏi ta	200	7,460	14,920
10	N0776	Bánh mì	3,600	9,200	331,200
11	N0861	Dầu màu điều	90	42,900	38,610
12	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
13	0033	Khoai môn	800	6,620	52,960
14	0037	Khoai tây	800	3,990	31,920
15	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,510	9,765
16	0537	Nước dừa non tươi	1,500	3,890	58,350
17	N0754	Sả cây	150	2,840	4,260
18	N0770	Thịt nạc dăm	650	17,850	116,025
19	0335	Sườn heo	1,200	25,520	306,240
20	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	600	9,770	58,620
21	0100	Cần tây	150	7,350	11,025
22	0186	Tỏi tây (cà lá)	400	8,610	34,440
23	0143	Ớt chuông đỏ	500	11,030	55,150

24	0286	Thịt bò loại II	2,900	36,750	1,065,750
25	N0821	Đậu hũ non (đậu phụ non)	600	4,840	29,040
26	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	1,200	9,350	112,200
27	0211	Nấm rơm	600	14,180	85,080
28	0168	Rau ngót	2,700	6,300	170,100
29	N0772	Thịt ức gà	1,100	12,920	142,120
30	0002	Gạo nếp (loại thường)	1,300	3,050	39,650
31	0163	Rau mồng tơi	400	5,040	20,160
32	0136	Mướp	600	4,520	27,120
33	N0778	Nấm bào ngư	400	13,130	52,520
34	0170	Rau răm	80	5,150	4,120
35	0411	Lươn	1,600	25,410	406,560
36	0059	Đậu xanh	250	7,140	17,850
37	0457	Sữa bột toàn phần	4,844.49	20,500	993,120
38	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
39	0259	Quýt (quýt)	5,000	6,200	310,000
Tổng cộng					5,143,000

Tổng tiền thực phẩm	5,143,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,143,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	5,143,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	5,143,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan